TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 1064/2024/DS-PT Ngày: 23-12-2024 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương

Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 698/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 312/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5486/2024/QĐPT-DS ngày 14/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 17101/2024/QĐ-PT ngày 26/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tăng Tuấn Q, sinh năm 1967

Địa chỉ: G T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978

Địa chỉ: D L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, địa chỉ: số A đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Ông Trần Văn T1, sinh năm 1974, địa chỉ: D L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 26/11/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Huỳnh Chí T2, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: 212C Đại lộ C, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 1 D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Ông Nguyễn Thành V1, sinh năm 1979, thường trú: 103/18 B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, cư trú: T B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 19/12/2024).

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị V là bị đơn.

(Ông Q, bà V, bà T, ông T1, ông T2, ông V1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Tăng Tuấn Q trình bày: Ông Q và bà V có mối quan hệ quen biết trong làm ăn nên ông Q nhiều lần cho bà V vay tiền, vì tin tưởng nên khi cho vay không làm giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, thời gian vay từ 03 đến 06 tháng, lãi suất là 1%/tháng, các lần vay đó bà V đều trả gốc và lãi đầy đủ đúng hạn.

Thông qua bà V giới thiệu nên ông mới biết ông Huỳnh Chí T2.

Đến năm 2020, do cần vốn để kinh doanh bất động sản nên bà V thỏa thuận miệng vay ông số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) với thời hạn 01 tháng và đề nghị ông chuyển tiền vào số tài khoản 10083167979 tại Ngân hàng B - chi nhánh Thành phố H của ông Huỳnh Chí T2. Do vậy, ngày 18/5/2020, ông đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của ông T2 với nội dung: " Q chuyển tiền cho V mượn mua bất động sản".

Sau khi cho bà V vay tiền, ông nhiều lần liên hệ với bà V yêu cầu trả số tiền vốn và lãi nhưng bà V lấy lý do khó khăn về tài chính, không trả tiền cho ông. Đến ngày 14/12/2021, ông gặp bà V tại quán cafe của bà Đỗ Thị Thảo U (bà U cũng là người quen của ông và bà V), ông đã yêu cầu bà V trả số tiền vay và bà V đã viết giấy nhận nợ, hứa trả 400.000.000 đồng vào ngày 15/12/2021, số tiền còn lại sẽ trả dứt điểm vào ngày 30/3/2022.

Ngày 15/12/2021, bà V trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nên ông đã viết vào mặt sau của giấy nhận nợ, số tiền còn lại 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng), mặc dù ông đòi nhiều lần nhưng bà V không trả.

Việc bà V không trả tiền đúng thời hạn đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn có ý kiến như sau: Ông Q biết ông T2 là do bà V giới thiệu và việc vay tiền là do bà V chủ động vay, yêu cầu ông chuyển vào tài khoản của ông T2, việc bà V phủ nhận việc vay tiền của ông nhưng lại viết giấy nhận nợ là mâu thuẫn với các lời trình bày của bà V tại Tòa, đồng thời, cũng không có ai cầm tay, ép buộc bà V ghi giấy nợ và trả trước 400.000.000 đồng. Do đó, bà V yêu cầu phản tố buộc ông phải trả lại 400.000.000 đồng là hoàn toàn vô lý nên ông không chấp nhận.

Tại đơn phản tố đề ngày 02/01/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, ông Đặng Thanh H là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Do quen biết nên bà V giới thiệu ông Huỳnh Chí

T2 cho ông Tăng Tuấn Q làm quen. Bà V xác nhận giấy xác nhận nợ ngày 14/12/2021 mặt trước là chữ viết và chữ ký của bà V, mặt sau có nội dung trả 400.000.000 đồng là chữ viết và chữ ký của ông Q.Tuy nhiên, số tiền trên giấy nợ trên không phải là bà V vay ông Q, mà là ông T2 vay. Sau khi đã quen biết nhau, ông Q cho ông T2 mượn số tiền 2.500.000.000 đồng, ông Q đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của ông T2 là vấn đề giao dịch và làm ăn giữa ông Q và ông T2 chứ không phải là bà V. Bà V hoàn toàn không liên quan đến số tiền này, số tiền này ông T2 không giao cho bà V, nhưng sau khi nhận tiền của ông Q, ông T2 đã ôm tiền bỏ trốn khỏi địa phương, ông Q đã tìm mọi cách nhưng không liên lạc được với ông T2 để đòi lại số tiền nợ trên, nên ông Q mới tìm tới bà V (là người trung gian giới thiệu cho ông T2 và ông Q làm quen với nhau) để yêu cầu bà V trả tiền.

Ông Q nhiều lần đe dọa, gây sức ép với bà V và gia đình bà V, yêu cầu bà V phải trả lại tiền cho ông Q, bà V sẽ cung cấp chứng cứ sau. Do bị gây sức ép từ phía ông Q nên ngày 14/12/2021, bà V mới ký giấy nhận nợ theo lời yêu cầu của ông Q và có trả cho ông Q số tiền 400.000.000 đồng để gia đình bà có một khoảng thời gian được sống yên ổn, không phải chịu áp lực từ phía ông Q nữa. Việc bà V ký giấy vay tiền cũng không phải trong hoàn cảnh làm chủ được hành vi mà trên cơ sở bị ông Q gây sức ép. Ngoài ra, trong trường hợp ông Q cho rằng bà V đã vay tiền của ông Q thì ông Q cũng chưa chứng minh được giao dịch nhận nợ giữa ông Q và bà V diễn ra ở đâu? Có người làm chứng hay không? Trong trường hợp có người làm chứng thì người làm chứng có chứng kiến được việc giao nhận tiền này hay không? Ông Q cũng chưa chứng minh được nguồn gốc khoản tiền cho bà V mượn là từ đâu? Giao dịch bằng tiền mặt hay chuyển khoản hay thông qua một giao dịch đối tác với người thứ ba? Có giấy tờ gì chứng minh việc giao nhận tiền hay không? Mục đích của việc ông Q cho bà V mượn để làm gì? Vợ ông Q có biết việc này hay không?... Chỉ thông qua một giấy viết tay là chưa đủ cơ sở để cho rằng bà V là người vay tiền của ông Q.

Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà V phải trả số tiền gốc là 2.100.000.000 đồng cho ông Q vì bà V không phải là người vay số tiền trên của ông Q.

Ngược lại, bị đơn có yêu cầu phản tố: Do ông Q nhiều lần đe dọa, gây sức ép đối với bà V yêu cầu phải trả lại số tiền 2.500.000.000 đồng cho ông Q nên ngày 14/12/2021, bà V mới ký giấy nhận nợ theo yêu cầu của ông Q và có trả cho ông Q số tiền 400.000.000 đồng để gia đình bà V có một khoảng thời gian được sống yên ổn, không phải chịu áp lực từ phía ông Q nữa. Việc bà V ký giấy nhận nợ trong hoàn cảnh không làm chủ được hành vì, mà bị ông Q gây sức ép. Căn cứ theo Điều 127 Bộ luật Dân sự 2015: "Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu". Do đó, giao dịch giữa bà V và ông Q vô hiệu theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bị đơn có yêu cầu phản tố buộc ông Q phải trả lại cho bà V số tiền 400.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Chí T2 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng đã vắng mặt trong

suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án. Ông T2 không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 312/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị V trả cho ông Tăng Tuấn Q số tiền nợ vay 2.100.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc ông Tăng Tuấn Q trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 400.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 94.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0045181 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V còn phải nộp 84.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tăng Tuấn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Tăng Tuấn Q số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 37.000.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0044462 ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/7/2024, bị đơn là bà Nguyễn Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/12/2024.

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn ông Q nộp bổ sung bản giải trình về băng ghi âm ngày 30/6/2023 giữa ông Q với bà V, ông T1; giữa ông Q với ông T2 và trình bày băng ghi âm thể hiện nội dung bà V vay ông Q số tiền 2.500.000.000 đồng. Ngày 30/6/2023, bà V và chồng bà V là ông T1 thỏa thuận sẽ hoàn trả ông Q số tiền 1.300.000.000 đồng. Đồng thời cùng ngày 30/6/2023, ông Q gặp ông T2 và có ghi âm cuộc nói chuyện giữa hai bên với nội dung ông T2 đã chuyển khoản cho bà V để trả cho ông nhưng thực tế cả ông T2, bà V, ông T1 đều không trả tiền cho ông như thỏa thuận.

Ông Q không đồng ý với toàn bộ kháng cáo của bị đơn, lý do các chứng cứ ông nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều thể hiện nội dung: "Ngày 18/5/2020 ông chuyển vào tài khoản của ông T2 cho bà V mượn số tiền 2.500.000.000 đồng với nội dung: "Q chuyen tien cho V2 muon mua bds". Trước đó, ông không biết ông T2 là ai, giữa bà V và ông cũng không có giấy vay mượn mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, do bà V chỉ định ông chuyển khoản vào tài khoản của ông T2 nên ông chuyển

theo yêu cầu của bà V. Sau đó, ông đòi nhiều lần nhưng bà V không trả. Đến ngày 14/12/2021, bà V viết giấy nhận nợ với nội dung: "Tôi tên là Nguyễn Thị V -1978, tôi có nợ anh Tăng Tuấn Q số tiền nợ 2.500.000.000 đồng từ tháng 10/2020 đến nay 14/12/2022, tôi hứa sẽ trả hết số tiền trên cho anh Q vào ngày 30/3/2022". Ngày 15/12/2021, bà V trả ông số tiền 400.000.000 đồng và ông có viết vào mặt sau của giấy nhận nợ.

Ông Q xác nhận có việc ông T2 chuyển tiền cho ông qua tài khoản nhưng không đúng số tiền như ông T2 trình bày, do đã lâu nên ông không nhớ chính xác số tiền ông T2 chuyển là bao nhiêu. Ông xác nhận vào năm 2022, giữa ông và ông T2 có thỏa thuận cấn trừ nợ bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022, hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022 với ông Nguyễn Ngọc T3 (là người do ông T2 đề nghị) như ông T2 trình bày nhưng hiện nay giấy tờ đất đang trong ngân hàng nên không thực hiện được và hiện nay các bên cũng chưa hủy các hợp đồng nêu trên.

Do vậy, bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

- Bị đơn là bà V nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ là các bản sao kê ngân hàng của ông T2, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022, hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc T3 và Tăng Tuấn Q, đơn yêu cầu đưa ông T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời bà V ủy quyền cho bà T trình bày:

Về tố tụng: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa ông Trần Văn T1 là chồng bà V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do số tiền 400.000.000 đồng bà V trả cho ông Q ngày 15/12/2021 là tài sản chung của vợ chồng bà V, ông T1.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm không khách quan, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không phản ánh đúng tình tiết khách quan của vụ án. Cụ thể, sau khi Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm vụ án, bà V có tìm và gặp được ông T2, phía ông T2 đã xác nhận số tiền 2.500.000.000 đồng mà ông Q chuyển vào tài khoản của ông T2 ngày 18/5/2020 là do ông T2 vay mượn, ông T2 không đưa khoản tiền đó cho bà V. Mặt khác, ông T2 cũng xuất trình các chứng cứ trong thời gian vay mượn đã chuyển khoản cho ông Q số tiền khoảng 850.000.000 đồng. Đồng thời, giữa ông Q và ông T2 có thỏa thuận cấn trừ số nợ còn lại bằng hình thức ông Q và ông Nguyễn Ngọc T3 (người đứng tên dùm cho ông T2 thửa đất 21, tờ bản đồ số 16-8, địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương) ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022. Do tài sản trên đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q1 nên ngày 10/8/2022, ông T3 và ông Q ký hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh H1 về việc ông Q được toàn quyền đại diện cho ông T3 liên hệ với Ngân hàng X xác nhận dư nợ, nộp tiền tất toán khoản vay, sau khi giải chấp thì được nhận bản chính giấy chứng nhận, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, được quyền trông coi, sử dụng, cho thuê, nhận đặt cọc, chuyển nhượng mua bán, nhận tiền bán chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên. Hiện nay các hợp đồng nêu trên ký giữa ông T3 và ông Q chưa được giải quyết.

Do vậy, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1, giao cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng trình tự pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Ông Huỳnh Chí T2 xuất trình các tài liệu, chứng cứ mới như bị đơn giao nộp và trình bày: Ông xác nhận số tiền 2.500.000.000 đồng ông Q chuyển vào tài khoản của ông ngày 18/5/2020, số tiền này ông không đưa cho bà V mà sử dụng cá nhân. Trong quá trình vay mượn, ông đã trả cho ông Q nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản vào 02 số tài khoản của ông Q là 31015000008293, 31015000011334 tại Ngân hàng TMCP Đ (B), cụ thể ngày 14/7/2020 chuyển 150.000.000 đồng, cùng ngày 15/7/2020 chuyển 04 lần: lần 1 chuyển 120.000.000 đồng, lần 2 chuyển 90.000.000 đồng, lần 3 chuyển 130.000.000 đồng, lần 4 chuyển 170.000.000 đồng, ngày 23/7/2020 chuyển 50.000.000 đồng, với nội dung: "v ct". Ngoài ra, còn 2 tài khoản của ông T2 hiện nay đang bị khóa: 31310000764263 (B) và 060134142688 (S), ông yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để xác định dòng tiền chuyển giữa ông T2 và ông Q từ 05/12/2018 đến ngày 20/5/2021 mới có cơ sở xác định số tiền ông đã chuyển trả cho ông Q cụ thể là bao nhiêu.

Mặt khác, năm 2022 giữa ông Q và ông có thỏa thuận cấn trừ số nợ còn lại bằng hình thức ông Q và ông Nguyễn Ngọc T3 (ông T2 nhờ ông T3 đứng tên trên thửa đất 21 tờ bản đồ số 16-8, địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương) ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022, hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022 tại Văn phòng C, hiện nay các hợp đồng nêu trên giữa ông T3 và ông Q chưa được giải quyết.

Do vậy, ông T2 thống nhất lời trình bày và đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đồng ý hủy bản án sơ thẩm và cần phải thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định số tiền ông đã trả cho ông Q bao nhiêu và giải quyết các hợp đồng đã ký giữa ông T3 và ông Q.

Sau khi Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa, ngày 17/12/2024, ông Q nộp bổ sung cho cấp phúc thẩm bản photo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông T3, biên bản giao nhận tài sản bảo đảm, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông T3, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T3, ông Q, văn bản in các tin nhắn qua ứng dụng Zalo giữa bà V và ông Q thể hiện nội dung bà V hứa trả tiền nhiều lần nhưng không trả. Đồng thời ông Q có bản giải trình không chấp nhận các chứng cứ của bị đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/12/2024:

- Nguyên đơn ông Q trình bày: Ông xác nhận vào tháng 7/2020, ông T2 có chuyển khoản cho ông số tiền 150.000.000 đồng. Các tài liệu, chứng cứ ông nộp đều thể hiện bà V vay mượn ông số tiền 2.500.000.000 đồng, viết giấy nhận nợ ngày 14/12/2021, ngày 15/12/2021 đã trả được 400.000.000 đồng. Do vậy, ông xác định bị đơn phải có trách nhiệm trả ông số tiền còn lại là 2.100.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn bà V ủy quyền cho bà T và ông T4 trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến tại phiên tòa ngày 16/12/2024, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 ủy quyền cho ông Nguyễn Thành V1 trình bày: Để có cơ sở xác định ông T2 đã chuyển khoản cho ông Q chính xác số tiền cụ thể là bao nhiêu thì phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ tại ngân hàng đối với 02 tài khoản của ông T2 bị khóa và ông thống nhất với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ mà đương sự nộp tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 312/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 08/7/2024, bị đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đơn kháng cáo của đương sự trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Q khởi kiện bà V yêu cầu trả tiền, do bà V đang cư trú ở Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đon bà V trình bày số tiền 400.000.000 đồng, bà trả cho ông Q là tài sản chung của bà và chồng là ông Trần Văn T1. Ngoài ra, các đương sự đều xác nhận ông Q và ông Nguyễn Ngọc T3 (người đứng tên dùm ông T2 thửa đất 21 tờ bản đồ số 16-8, địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương) có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022 và hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022 với ông Q để cấn trừ số tiền nợ giữa ông Q và ông T2. Do vậy, cần phải đưa ông T1 và ông T3 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ của các bên liên quan trong quan hệ vay mượn, cấn trừ nợ giữa các bên trong vụ án.

[3.2] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận ngày 18/5/2020 ông Q chuyển vào tài khoản của ông T2 số tiền 2.500.000.000 đồng với nội dung: "*Q chuyen tien cho V2 muon mua bds*".

Theo nguyên đơn ông Q trình bày, ông chuyển số tiền trên cho bà V mượn theo chỉ định của bà V chuyển vào tài khoản của ông T2, trước đó, ông không biết ông T2 là ai. Ngược lại, bà V, ông T2 đều khai thống nhất là ông Q chuyển vào tài khoản của ông T2 số tiền nêu trên là ông Q cho ông T2 mượn, ông T2 không đưa số tiền trên cho bà V.

Theo giấy nhận nợ ngày 14/12/2021, bà V viết có nội dung:

" Tôi tên là Nguyễn Thị V -1978, tôi có nợ anh Tăng Tuấn Q số tiền nợ 2.500.000.000 đồng từ tháng 10/2020 đến nay 14/12/2021..".

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2, bà V xuất trình bản sao kê tài khoản của ông T2 và trình bày ông T2 chuyển khoản cho ông Q nhiều lần tiền theo 02 số tài khoản của ông Q là 31015000008293, 31015000011334 tại Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể: Ngày 14/7/2020 chuyển 150.000.000 đồng, cùng ngày 15/7/2020 chuyển 04 lần: lần 1 chuyển 120.000.000 đồng, lần 2 chuyển 90.000.000 đồng, lần 3 chuyển 130.000.000 đồng, lần 4 chuyển 170.000.000 đồng, ngày 23/7/2020 chuyển 50.000.000 đồng, với nội dung: "v ct". Ngoài ra, còn 02 tài khoản của ông T2 hiện nay đang bị khóa: 31310000764263 (B) và 060134142688 (S), ông yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để xác định dòng tiền chuyển giữa ông T2 và ông Q từ ngày 05/12/2018 đến ngày 20/5/2021 mới có cơ sở xác định số tiền ông đã chuyển trả cho ông Q cụ thể là bao nhiêu.

Nguyên đơn có lời khai không thống nhất, tại phiên tòa ngày 16/12/2024 ông Q xác nhận có nhận tiền của ông T2 qua chuyển khoản nhưng không xác định được số tiền đã nhận là bao nhiêu, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/12/2024, ông Q trình bày chỉ nhận số tiền chuyển khoản 150.000.000 đồng từ ông T2.

Các đương sự đều xác nhận ngày 09/8/2022, ngày 10/8/2022, ông Q và ông T2 có thỏa thuận cấn trừ nợ bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Ngọc T3 và ông Tăng Tuấn Q.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bà V, ông T2 xuất trình tài liệu, chứng cứ mới thể hiện việc chuyển khoản từ ông T2 sang cho ông Q, có thỏa thuận cấn trừ nợ giữa ông Q và ông T2 bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022, hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc T3 và ông Tăng Tuấn Q. Tuy nhiên, lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn với nhau.

Do vậy, xét cần đưa ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Ngọc T3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời, cần tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, đối chất giữa các đương sự để xác định rõ số tiền 2.500.000.000 đồng ông Q chuyển vào tài khoản của ông T2 ngày 18/5/2020 là do ông T2 hay bà V vay ông Q, xác định số tiền cụ thể ông T2 đã chuyển (nếu có) vào tài khoản của ông Q là bao nhiêu, là tiền vốn hay tiền lãi, xác định rõ việc thỏa thuận cấn trừ nợ giữa ông Q và ông T2 bằng hình thức ký hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2022, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/8/2022 để xác định nghĩa vụ giữa các bên mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[3.3] Từ những phân tích và căn cứ quy định pháp luật nêu trên, để đảm bảo hai cấp xét xử, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và giải quyết toàn diện vụ án, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 312/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án bị kháng cáo để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. H2 lại tiền tạm ứng án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Căn cứ vào Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 312/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4.Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi vụ án được giải quyết lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V không phải nộp. H2 lại số tiền tạm ứng án phí cho bà V 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0023485 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương